

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG TRUYỀN THÔNG SỐ TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ KHUYẾN NGHỊ QUẢN TRỊ

TÔ HOÀI THĂNG^{1*} - TRẦN THỊ BÍCH VÂN¹ - VŨ THỊ DIỆP CHI²

¹Trường Đại học Đồng Nai

²Trường Đại học Tin học Ngoại ngữ Thành phố Hồ Chí Minh

* Email: tohoaithang.jb@gmail.com

Ngày nhận bài: 1/7/2026

Ngày sửa bài: 14/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 28/7/2026

Tóm tắt:

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence, AI), đặc biệt là AI tạo sinh, đang tác động mạnh mẽ đến hoạt động truyền thông số tại các cơ sở giáo dục đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết thực hiện tổng quan tài liệu nhằm phân tích những cơ hội và thách thức của việc ứng dụng AI trong truyền thông số tại các nhà trường. Kết quả tổng hợp cho thấy, AI mang lại nhiều giá trị về hiệu suất vận hành và cá nhân hóa thông điệp, song cũng làm phát sinh các rủi ro nghiêm trọng về quyền đại diện tiếng nói của nhà trường, bảo mật dữ liệu và trách nhiệm giải trình. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khung quản trị toàn diện nhằm giúp các cơ sở giáo dục khai thác hiệu quả AI trong truyền thông số một cách có trách nhiệm và phù hợp với bối cảnh pháp lý Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: trí tuệ nhân tạo, AI tạo sinh, truyền thông số, cơ sở giáo dục, quản trị AI

Application of artificial intelligence (AI) in digital communication at higher education institutions in Ho Chi Minh City: Opportunities, challenges, and governance recommendations

Abstract:

The rapid development of artificial intelligence, particularly generative artificial intelligence (Gen AI), is significantly transforming digital communication at higher education institutions in Ho Chi Minh City. Based on a literature review, this study analyzes the opportunities and challenges associated with AI adoption in university communication activities. The findings show that AI can improve content-production efficiency, automate communication workflows, personalize interactions with learners, and support public-opinion analysis and crisis management. However, its use also creates risks involving misinformation, copyright infringement, personal data leakage, loss of authenticity, and weakened public trust. The study therefore proposes a comprehensive governance framework emphasizing internal AI-use regulations, risk classification, AI competency development for communication staff, human oversight, and multi-layer quality-control mechanisms. These recommendations aim to support responsible, secure, and legally compliant AI adoption in higher education communication.

Keywords: artificial intelligence, generative AI, digital communication, higher education institutions, AI governance

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số giáo dục đang thúc đẩy sự thay đổi tương tác giữa nhà trường và xã hội. Trong bối cảnh đó, trí tuệ nhân tạo tạo sinh đã trở thành xu thế công nghệ tất yếu, trực tiếp tham gia vào truyền thông số học đường. Công nghệ này hỗ trợ hiệu quả các tác vụ như gợi ý ý tưởng nội dung, vận hành chatbot tuyển sinh và phân tích dư luận. Sự phát triển này đặt ra nhu cầu cấp thiết về việc nghiên cứu định hướng ứng dụng bài bản.

Hiện nay, truyền thông số học đường phần lớn vẫn còn thủ công và thiếu hụt công cụ chuyên dụng. Nhà trường luôn đối mặt với áp lực tuyển sinh lớn cùng rủi ro danh tiếng trực tuyến trong bối cảnh nhân sự mỏng. Việc tích hợp giải pháp trí tuệ nhân tạo mở ra cơ hội tối ưu hóa năng lực sản xuất thông điệp số. Tuy nhiên, xu hướng tự động hóa này cũng đặt ra thách thức nghiêm trọng về tính chính xác của thông tin và chuẩn mực đạo đức.

Tại Việt Nam, Chiến lược trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 đã xác định giáo dục là lĩnh vực ưu tiên. Các văn bản Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 cũng bước đầu kiến tạo hành lang pháp lý an toàn. Tuy nhiên, một quy trình quản trị công nghệ chuyên biệt cho mảng truyền thông học đường vẫn còn bỏ ngõ. Vì vậy, việc thực hiện nghiên cứu đề tài này có ý nghĩa thực tiễn lớn để mở ra giai đoạn ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong truyền thông số tại các cơ sở giáo dục đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Cơ sở nghiên cứu

Nhiều nghiên cứu quốc tế đã đề cập đến vai trò của trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực truyền thông và quan hệ công chúng dưới góc độ lý thuyết và thực tiễn. Hancock và cộng sự (2020) cho thấy, truyền thông có sự trung gian của trí tuệ nhân tạo cho phép hệ thống công nghệ trực tiếp tham gia hiệu đính, bổ sung và tự sinh thông điệp, qua đó định nghĩa AI như một tác nhân giao tiếp chứ không chỉ là công cụ hỗ trợ. Galloway và Swiatek (2018) chỉ ra việc ứng dụng AI trong quan hệ công chúng cần được nhìn nhận vượt ra ngoài phạm vi tự động hóa tác vụ, đòi hỏi sự hiểu biết đầy đủ về tác động kinh tế và xã hội của công nghệ. Zerfass và cộng sự (2020) nhấn mạnh mức độ ứng dụng AI trong truyền thông toàn cầu vẫn còn thấp và chưa đồng đều giữa các khu vực. Như vậy, dù tiếp cận ở các góc độ khác nhau, các nghiên cứu này đều thống nhất rằng AI đã vượt khỏi vai trò công cụ hỗ trợ thuần túy để trở thành một nhân tố tham gia trực tiếp vào quá trình truyền thông.

Bên cạnh các nghiên cứu về cơ hội, một số tác giả đã tập trung phân tích các rủi ro và thách thức trong ứng dụng AI vào truyền thông. Christensen và Andersson (2025) nhấn mạnh yêu cầu triển khai công nghệ một cách thận trọng, có sự tham gia học hỏi của đội ngũ nhân viên trước khi mở rộng quy mô. Feitosa và cộng sự (2024) cảnh báo việc lạm dụng AI tạo sinh trong quan hệ công chúng dễ dẫn đến lan truyền thông tin sai lệch, vi phạm quyền riêng tư và làm suy giảm tính chân thực của thông điệp. Guzman và Lewis (2024) nhấn mạnh yêu cầu đánh giá tác động của AI trong toàn bộ hệ sinh thái truyền thông thay vì chỉ xem xét từng ứng dụng riêng lẻ. Có thể thấy, các nghiên cứu về rủi ro bổ sung cho nhau ở các cấp độ từ tiến độ triển khai, hệ quả rủi ro đến góc nhìn hệ thống, cho thấy vấn đề cần được xử lý trong tổng thể thay vì tách rời từng khâu.

Trong bối cảnh Việt Nam, các nghiên cứu về ứng dụng AI trong giáo dục đại học đã bắt đầu thu hút sự quan tâm của giới học thuật. Nguyễn Gia Trung Quân và Hoàng Tô Thư Dung (2024) phân tích các thách thức trong ứng dụng AI vào giáo dục đại học Việt Nam, trong đó nhấn mạnh vấn đề đạo đức, kết quả học tập của người học và năng lực công nghệ của người học. Lê Thị Hồng Hạnh (2026) nghiên cứu công tác quản lý nhà nước đối với ứng dụng AI trong giáo dục đại học, đề xuất các ranh giới kiểm soát rủi ro về đạo đức học thuật và bảo vệ dữ liệu người dùng. Điểm chung của các nghiên cứu trong nước là mới dừng

ở phạm vi giảng dạy và học tập, chưa mở rộng sang hoạt động truyền thông số vốn là bộ mặt công khai gắn liền với uy tín của nhà trường.

Nhìn chung, các nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất về tiềm năng to lớn của AI đối với hoạt động truyền thông và giáo dục. Tuy nhiên, hầu hết nghiên cứu mới chỉ tập trung vào giảng dạy hoặc truyền thông doanh nghiệp thương mại, trong khi chưa có nghiên cứu tích hợp quy trình quản trị AI riêng cho mảng truyền thông số tại các cơ sở giáo dục đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng trống này cho thấy sự cần thiết của một nghiên cứu chuyên sâu về cơ hội, thách thức và định hướng quản trị AI trong truyền thông số học đường.

3. Cơ hội của trí tuệ nhân tạo trong truyền thông số tại cơ sở giáo dục

3.1. Nâng cao hiệu suất sản xuất nội dung

Công nghệ số đang mở ra những cơ hội to lớn cho các cơ sở giáo dục đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh trong việc nâng cao đáng kể tốc độ biên tập và tối ưu hóa quy trình xuất bản trực tuyến (Yue và cộng sự, 2024). Các mô hình ngôn ngữ thế hệ mới hoạt động dựa trên thuật toán học sâu có khả năng tiếp nhận yêu cầu từ đội ngũ truyền thông để nhanh chóng đề xuất ý tưởng, phác thảo thông cáo báo chí hoặc dịch thuật đa ngữ các tài liệu quảng bá tuyển sinh. Phương thức xử lý thông tin tự động này hỗ trợ nhân sự vượt qua áp lực sáng tạo ban đầu, đồng thời giảm thiểu tối đa các thao tác lặp lại trong quy trình sản xuất nội dung số hằng ngày.

Đội ngũ truyền thông tại các trường đại học dễ dàng áp dụng công nghệ số để thiết lập sắc thái ngôn từ đồng nhất, giúp thông điệp thương hiệu được lan tỏa xuyên suốt trên mọi nền tảng mạng xã hội học đường (Ahmed và Baaske, 2024). Các trợ lý thuật toán hỗ trợ hiệu chỉnh văn phong linh hoạt cho từng chiến dịch tuyển sinh nhưng vẫn giữ vững tính chính xác và sự chuẩn mực học thuật của nhà trường. Quy trình rà soát văn bản tự sinh trước khi công bố sẽ bảo đảm tính chính danh hành chính cùng uy tín đối ngoại của đơn vị đào tạo.

Các nhà trường có thể phân bổ lại nguồn nhân lực từ các tác vụ hành chính thô sơ sang hoạch định các chương trình truyền thông dài hạn nhờ sự giải phóng sức lao động của công nghệ tự động hóa. Khả năng gia tăng hiệu suất sản xuất thông tin quy mô lớn này đồng thời đặt ra yêu cầu phải thiết lập các giải pháp tương tác cá nhân hóa sâu sắc nhằm trực tiếp gắn kết với từng nhóm đối tượng người học tiềm năng. Về tổng thể, cơ hội này cho thấy AI không chỉ rút ngắn thời gian sản xuất nội dung mà còn góp phần chuẩn hóa chất lượng thông điệp và định hình lại cách phân bổ nguồn lực truyền thông của nhà trường.

3.2. Cá nhân hóa thông điệp và tương tác với người học

Các trường đại học hiện nay có thể dễ dàng thiết lập những kênh đối thoại đa chiều nhằm thắt chặt mối liên kết với cộng đồng học đường nhờ vào sự phát triển của công nghệ số. Hệ thống chatbot thông minh sở hữu năng lực phân tích câu hỏi ngôn ngữ tự nhiên để tự động truy xuất cơ sở dữ liệu nội bộ và phản hồi thí sinh theo thời gian thực (Nguyễn Thị Kim Trúc và cộng sự, 2025). Giải pháp tương tác hiện đại này giúp nhà trường linh hoạt điều chỉnh nội dung tư vấn tuyển sinh hoặc các thông báo học vụ tương thích với nhu cầu riêng biệt của từng cá nhân.

Người học được hỗ trợ liên tục suốt ngày đêm bởi sự hoạt động của các trợ lý ảo, giúp tháo gỡ nhanh chóng các thủ tục hành chính phức tạp trực tuyến. Các nhà trường có thể chủ động phân phối các thông điệp chúc mừng, nhắc lịch thi hoặc hướng dẫn đăng ký học phần được thiết kế chuyên biệt cho từng sinh viên (Trần Thái Long và cộng sự, 2026). Việc duy trì kênh phản hồi tự động này đóng vai trò cốt lõi trong việc nâng cao mức độ hài lòng và củng cố niềm tin của người học đối với dịch vụ đào tạo số.

Môi trường giáo dục số tiên tiến giúp các đơn vị đào tạo nâng cao năng lực phục vụ và khẳng định vị thế tuyển sinh bền vững thông qua việc thấu hiểu kỳ vọng của từng sinh viên. Từ nền tảng tương tác cá

nhân hóa trực tiếp này, các trường đại học cần mở rộng tầm nhìn sang việc thu thập dữ liệu tổng thể để phân tích phản hồi dư luận và phòng ngừa các nguy cơ rủi ro danh tiếng trực tuyến. Như vậy, cá nhân hóa thông điệp không chỉ nâng cao trải nghiệm của người học mà còn là phương thức quan trọng để nhà trường củng cố vị thế cạnh tranh trong tuyển sinh.

3.3. Hỗ trợ phân tích dư luận và quản trị khủng hoảng

Hệ thống phân tích thông tin tự động mang lại giải pháp tối ưu giúp các trường đại học nhận diện nhanh chóng xu hướng thảo luận và kịp thời dự báo các nguy cơ khủng hoảng truyền thông trực tuyến. Các thuật toán quét dữ liệu trên mạng xã hội có thể tự động phân tích sắc thái cảm xúc của các bình luận học đường để đưa ra cảnh báo sớm về các luồng thông tin tiêu cực (Nguyễn Văn Toàn và cộng sự, 2021). Cơ chế nhận diện tự động này hỗ trợ ban giám hiệu kịp thời nắm bắt tâm tư người học để thiết lập các kịch bản đối ngoại dựa trên số liệu thực tế.

Ban lãnh đạo nhà trường có thể đối chiếu các dữ liệu phân loại ý kiến công chúng để đưa ra các phát ngôn chính thức mang tính thấu cảm học đường. Năng lực phân loại cảm xúc đa chiều này giúp phát hiện sớm tin đồn thất thiệt và ngăn chặn sự lan truyền của tin giả trước khi bùng phát. Việc kiểm chứng nguồn tin chặt chẽ và thiết lập cơ chế phản hồi minh bạch đóng vai trò quyết định để bảo đảm an toàn thông tin và củng cố khả năng phòng vệ danh tiếng của đơn vị.

Hệ sinh thái truyền thông số lành mạnh sẽ được duy trì bền vững khi các nhà trường áp dụng giải pháp quản lý dư luận dựa trên hệ thống phân tích dữ liệu tự động. Tuy nhiên, để phát huy toàn diện các cơ hội phát triển kể trên, các đơn vị đào tạo cần nghiêm túc nhận diện và xây dựng các phương án kiểm soát đối với những thách thức rủi ro mang tính hệ thống luôn song hành. Có thể thấy, năng lực phân tích dư luận tự động giúp nhà trường chuyển từ thế bị động ứng phó sang chủ động nhận diện và phòng ngừa rủi ro truyền thông.

4. Thách thức và rủi ro trong việc ứng dụng AI vào truyền thông số tại cơ sở giáo dục

4.1. Sai lệch thông tin và nguy cơ vi phạm bản quyền

Các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện đang đối mặt với những thách thức hệ thống vô cùng phức tạp khi tích hợp các giải pháp trí tuệ nhân tạo vào hoạt động đào tạo và truyền thông thương hiệu (Nguyễn Danh Nam, 2025). Sự lạm dụng các thuật toán sinh nội dung tự động mà không qua kiểm duyệt chặt chẽ dễ dẫn đến việc lan truyền thông tin sai lệch, gây tổn hại trực tiếp đến uy tín của các đơn vị. Khi các mô hình ngôn ngữ lớn tự động tổng hợp thông tin từ nguồn dữ liệu số phân mảnh, nguy cơ vi phạm bản quyền và phát sinh các tranh chấp pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm truyền thông học đường ngày càng trở nên hiện hữu.

Quy trình kiểm duyệt nội dung thủ công truyền thống đang bị quá tải trước tốc độ sản xuất thông tin nhanh chóng của các công cụ công nghệ mới. Hệ quả là nhiều sản phẩm truyền thông học đường chứa đựng các lỗi ảo giác kỹ thuật vẫn vô tình được xuất bản trực tuyến, gây ra những hiểu lầm không đáng có trong dư luận xã hội. Những sai lệch thông tin và rủi ro bản quyền này đồng thời đặt ra yêu cầu cấp bách cho các nhà trường trong việc bảo vệ an toàn thông tin nội bộ trước nguy cơ rò rỉ dữ liệu cá nhân của người học. Những phân tích trên cho thấy, sai lệch thông tin và vi phạm bản quyền là hệ quả tất yếu khi tốc độ sinh nội dung vượt quá năng lực kiểm soát hiện có của nhà trường.

4.2. Rò rỉ dữ liệu và vi phạm quyền riêng tư

Mối lo ngại về an ninh mạng và quyền riêng tư ngày càng gia tăng khi các nhà trường tiến hành thu thập và xử lý khối lượng lớn thông tin người học trên các nền tảng số. Khi cán bộ truyền thông nhập các dữ liệu nhạy cảm vào các công cụ trí tuệ nhân tạo công cộng để tối ưu hóa hiệu suất viết, toàn bộ thông tin này có nguy cơ bị lưu trữ trái phép trên máy chủ nước ngoài (Quốc hội, 2025a). Quy trình này trực tiếp tạo

ra các lỗ hổng bảo mật nghiêm trọng, đe dọa an toàn hệ thống và đi ngược lại các quy chuẩn nghiêm ngặt về quản trị hạ tầng số quốc gia (Quốc hội, 2024).

Tình trạng thất thoát dữ liệu cá nhân của người học không chỉ vi phạm nghiêm trọng các quy chế hiện hành mà còn khiến nhà trường đối mặt với rủi ro pháp lý phức tạp. Sự thiếu hụt các rào cản kỹ thuật an toàn để bảo đảm bí mật thông tin nội bộ sẽ đặt uy tín hành chính của các đơn vị giáo dục trước những thách thức pháp lý nghiêm trọng. Sự suy giảm khả năng kiểm soát dữ liệu cá nhân này không chỉ gây ra các hệ quả pháp lý mà còn trực tiếp làm xói mòn niềm tin của công chúng vào tính xác thực của các thông điệp truyền thông học đường. Theo đó, rủi ro dữ liệu không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà còn trực tiếp đe dọa đến uy tín pháp lý và sự an toàn thông tin nội bộ của cơ sở giáo dục.

4.3. Suy giảm tính xác thực và niềm tin của công chúng

Sự can thiệp quá sâu của các thuật toán sinh ngôn ngữ tự động đang gián tiếp làm phai nhạt bản sắc nhân văn và suy giảm tính chân thực trong tương tác giao tiếp học đường. Dù các công cụ tự động giúp tăng tốc độ phản hồi thông tin nhưng các bức thư chúc mừng hoặc email giải đáp tự sinh thường mang sắc thái rập khuôn, thiếu đi sự thấu cảm học đường cần thiết. Khi công chúng phát hiện ra các thông cáo báo chí hoặc thông điệp thương hiệu của nhà trường được kiến tạo hoàn toàn bởi máy móc, sự hoài nghi xã hội sẽ xuất hiện và làm tổn hại nghiêm trọng danh tiếng của đơn vị (Ahmed và Baaske, 2024).

Người học và xã hội có xu hướng xa lánh các kênh thông tin thiếu tính tương tác chân thực giữa con người với con người. Sự hoài nghi này trực tiếp triệt tiêu hiệu quả của các chiến dịch quảng bá tuyển sinh, làm suy giảm uy tín học thuật vốn có của các nhà trường. Việc nhận diện sâu sắc những thách thức nghiêm trọng về niềm tin này chính là động lực thôi thúc các nhà trường phải chuyển dịch sang thiết lập một khung quản trị đồng bộ để bảo đảm sự đồng hành an toàn giữa công nghệ và giá trị nhân văn. Đây là nhóm rủi ro khó định lượng nhưng có tác động lâu dài nhất, bởi niềm tin của công chúng một khi đã bị xói mòn rất khó để khôi phục.

5. Định hướng và khung quản trị ứng dụng AI trong truyền thông số tại cơ sở giáo dục

5.1. Xây dựng quy chế sử dụng AI và phân tầng rủi ro

Khung quản lý hành chính đồng bộ đóng vai trò nền tảng giúp định hình phương thức tích hợp công nghệ thuật toán một cách an toàn tại các cơ sở giáo dục đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ban lãnh đạo các đơn vị cần xây dựng quy chế vận hành chuyên biệt, phân loại rõ ràng các hoạt động truyền thông số thành các nhóm rủi ro khác nhau bám sát quy định pháp lý quốc gia (Quốc hội, 2025b). Việc phân tầng mức độ rủi ro này là điều kiện tiên quyết để nhà trường kiểm soát chặt chẽ các tác vụ xuất bản thông tin học đường.

Các đơn vị đào tạo bám sát định hướng phát triển công nghệ của Chương trình nghiên cứu và phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo địa phương để hiện thực hóa hành lang pháp trị vĩ mô (Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, 2021). Điển hình trong thực tiễn, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quy định giới hạn tỷ lệ nội dung tự sinh không vượt quá mức 20% trong các sản phẩm học thuật của người học (Lê Thị Hồng Hạnh, 2026). Quy chế định lượng cụ thể này giúp nhà trường duy trì chất lượng đào tạo thực chất, đồng thời tạo tiền đề pháp lý vững chắc cho công tác bồi dưỡng nghiệp vụ tiếp theo.

Hệ thống chính sách nội bộ nhất quán là điểm tựa vững chắc để giữ vững lòng tin của công chúng và bảo vệ an toàn thương hiệu giáo dục số. Mặc dù khung pháp quy nghiêm ngặt tạo nền móng vững chắc cho hoạt động quản trị, các nhà trường chỉ có thể phát huy tối đa hiệu lực kiểm soát khi đội ngũ chuyên viên trực tiếp được rèn luyện năng lực số thích ứng. Như vậy, quy chế sử dụng AI gắn với phân tầng rủi ro là bước nền tảng, tạo hành lang pháp lý nội bộ để các hoạt động truyền thông số được triển khai trong khuôn khổ kiểm soát.

5.2. Đào tạo năng lực AI cho đội ngũ truyền thông

Đào tạo năng lực số tích hợp công nghệ tạo sinh cho giảng viên và nhân sự truyền thông là nhiệm vụ then chốt để nâng cao chất lượng vận hành học đường (Cusnir và Surugiu, 2025). Các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cần chú trọng phát triển tư duy thuật toán nâng cao, rèn luyện kỹ năng thiết kế câu lệnh hiệu quả và xây dựng các tiêu chí đánh giá tin tức số. Đội ngũ nhân sự sau đào tạo sẽ làm chủ được các công cụ tạo sinh để tối ưu hóa hiệu suất biên tập tài liệu và kịch bản tư vấn học vụ.

Các trường đại học được khuyến nghị thực hiện lộ trình tích hợp công nghệ một cách thận trọng, ưu tiên thử nghiệm nhóm nhỏ để tích lũy kinh nghiệm trước khi tiến hành đồng bộ quy mô lớn. Nhân sự học đường cần có đủ thời gian làm quen với các rào cản kỹ thuật, nhận diện lỗi ảo giác thông tin và hiểu sâu sắc giới hạn vận hành của các mô hình ngôn ngữ lớn. Quy trình thử nghiệm từng bước này hỗ trợ nhà trường giảm thiểu các rủi ro phát sinh trực tuyến, đồng thời giúp ổn định tâm lý chấp nhận công nghệ của đội ngũ giảng dạy.

Sự chuyển đổi vai trò từ người viết thông thường sang chuyên gia kiểm duyệt thông tin số giúp củng cố vị thế học thuật bền vững của đơn vị đào tạo. Khi năng lực cá nhân của đội ngũ truyền thông đã được cải thiện toàn diện thì sự phối hợp đồng bộ giữa con người và máy móc đòi hỏi phải được giám sát liên tục bằng một hệ thống thẩm định chất lượng chặt chẽ. Có thể thấy, hiệu quả của khung quản trị phụ thuộc trực tiếp vào năng lực số của đội ngũ, vì vậy đào tạo là khâu trung gian không thể thiếu giữa quy chế và thực thi.

5.3. Thiết lập cơ chế giám sát và kiểm soát chất lượng

Thiết lập hệ thống kiểm soát đa tầng có sự can thiệp trực tiếp của con người là cơ chế tối ưu để ngăn ngừa rò rỉ dữ liệu và bảo vệ tính xác thực của thông tin học đường. Các trường đại học bắt buộc phải duy trì quy trình rà soát chéo nghiêm ngặt đối với mọi sản phẩm truyền thông tự sinh trước khi công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông trực tuyến (Quốc hội, 2025b). Vai trò chủ đạo của con người trong khâu thẩm định cuối cùng giữ giá trị quyết định để giữ gìn đạo đức số và liêm chính học thuật (Jiang và Abdullah, 2026).

Bộ phận kỹ thuật tại các nhà trường cần chủ động thiết lập tường lửa câu lệnh chuyên dụng và các bộ lọc từ khóa nghiêm ngặt để bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học (Quốc hội, 2025). Hội đồng kiểm duyệt nội dung của nhà trường có trách nhiệm thực hiện hoạt động kiểm toán hệ thống định kỳ, kịp thời hiệu chỉnh sắc thái ngôn từ tương thích với bối cảnh sư phạm thực tế. Sự phối hợp chặt chẽ này tạo nên rào chắn an ninh vững chắc giúp ngăn ngừa tối đa các sự cố rò rỉ bảo mật hoặc phát tán thông tin sai lệch.

Một hệ thống kiểm soát chất lượng hoàn thiện sẽ giúp các nhà trường củng cố vững chắc khả năng phòng vệ danh tiếng và xây dựng môi trường học đường số an toàn. Việc bám sát các định hướng quản trị tối ưu này chính là chìa khóa then chốt để các cơ sở đào tạo phát triển bền vững, hướng tới một kỷ nguyên chuyển đổi số lấy con người làm trung tâm. Tổng thể lại, cơ chế giám sát với sự can thiệp của con người là điều kiện then chốt để duy trì chất lượng và đạo đức của hoạt động truyền thông số trong dài hạn.

6. Kết luận

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh mang lại nhiều cơ hội đổi mới hiệu quả cho hoạt động truyền thông số tại các cơ sở giáo dục đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, song hành với những lợi ích đó là các thách thức nghiêm trọng về sai lệch thông tin, bảo mật dữ liệu và sự suy giảm lòng tin của công chúng. Việc ứng dụng công nghệ một cách có trách nhiệm, kết hợp chặt chẽ với khung quản trị phù hợp, sẽ góp phần nâng cao chất lượng truyền thông và bảo vệ vững chắc uy tín của nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Chính phủ. (2021). Quyết định số 127/QĐ-TTg ban hành ngày 26/01/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030.
- Lê Thị Hồng Hạnh. (2026). Quản lý nhà nước đối với ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học ở Việt Nam. *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (367).
- Nguyễn Danh Nam. (2025). Challenges in using artificial intelligence in universities. *TNU Journal of Science and Technology*, 230(16), 411-421.
- Nguyễn Gia Trung Quân, Hoàng Tô Thư Dung. (2024). Artificial intelligence in Vietnamese higher education: Challenges and opportunities. *Tạp chí Công Thương*, số 15 tháng 4/2024.
- Nguyễn Thị Kim Trúc, Hoàng Văn Nam, Phạm Ngọc Tình, Nguyễn Năng Hùng Vân. (2025). Chatbot hiệu quả cho tư vấn tuyển sinh đại học sử dụng mô hình ngôn ngữ lớn. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, 23(9A), 80-85.
- Nguyễn Văn Toàn, Trần Thanh Điền, Nguyễn Tí Hon, Phạm Thanh Sơn, Trần Lan Anh, Lê Thanh Sang. (2021). Phân loại ý kiến công chúng về sự kiện xã hội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 57(6A), 22-29.
- Quốc hội. (2024). Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, ban hành ngày 30/11/2024.
- Quốc hội. (2025a). Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15, ban hành ngày 26/6/2025.
- Quốc hội. (2025b). Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, ban hành ngày 10/12/2025.
- Trần Thái Long, Phạm Thị Trang, Tào Ngọc Biên, Tôn Quang Cường. (2026). The influence of artificial intelligence on Vietnam's higher education in the contemporary era. *VNU Journal of Science: Education Research*, 42(1), 11-23.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2021). Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 23/2/2021 phê duyệt Chương trình nghiên cứu và phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020-2030.
- Ahmed, J., & Baaske, A. (2024). Reimagining public relations in the age of AI: Insights from a systematic literature review. *Zeszyty Naukowe Akademii Górnośląskiej*, 12(24), 14-32.
- Yue, C. A., Men, L. R., Davis, D. Z., Mitson, R., Zhou, A., & Al Rawi, A. (2024). Public relations meets artificial intelligence: Assessing utilization and outcomes. *Journal of Public Relations Research*, 36(6), 513-534.
- Christensen, E., & Andersson, R. (2025). To hasten slowly: The prudence of slow AI implementation in public relations. *Public Relations Review*, 51(2), 102557.
- Cusnir, C., & Surugiu, R. (2025). Teaching media and communication in the GenAI era: An exploratory study. *BiD*, 54.
- Feitosa, K. L. T., Brasileiro, F. S., & da Silva, L. C. (2024). A integração da Inteligência Artificial generativa nas práticas de Relações Públicas: Uma revisão sistemática da literatura. *Revista Internacional de Relaciones Públicas*, 14(28), 149-168.
- Galloway, C., & Swiatek, L. (2018). Public relations and artificial intelligence: It's not (just) about robots. *Public Relations Review*, 44(5), 734-740.
- Guzman, A. L., & Lewis, S. C. (2024). What generative AI means for the media industries, and why it matters to study the collective consequences for advertising, journalism, and public relations. *Emerging Media*, 2(3), 347-355.
- Hancock, J. T., Naaman, M., & Levy, K. (2020). AI-mediated communication: Definition, research agenda, and ethical considerations. *Journal of Computer-Mediated Communication*, 25(1), 89-100.
- Jiang, X., & Abdullah, Z. (2026). AI-enabled governance in higher education: A systematic review of applications, outcomes, and emerging implications. *Frontiers in Education*, 11, 1856440.
- Zerfass, A., Hagelstein, J. P. W., & Tench, R. (2020). Artificial intelligence in communication management: A cross-national study on adoption and knowledge, impact, challenges and risks. *Journal of Communication Management*, 24(4), 377-389.